TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LAI CHÂU** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2019/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Lai Châu, ngày 25 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị A, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Nậm Lỏong 3, phường Q, thành phố C, tỉnh C.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trác B, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Nậm Lỏong 3, phường Q, thành phố C, tỉnh C.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị A và anh Nguyễn Trác B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Quan hệ hôn nhân:** Chị Lê Thị A và anh Nguyễn Trác B đều thuận tình ly hôn.

- **Việc nuôi con**: Chị Lê Thị A và anh Nguyễn Trác B có một con chung tên là Nguyễn Thị Thùy C, sinh ngày 01/10/2010. Chị Lê Thị A và anh Nguyễn Trác B thỏa thuận như sau:

Chị Lê Thị A là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Nguyễn Thị Thùy C, sinh ngày 01/10/2010 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: anh Nguyễn Trác B có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung tên là Nguyễn Thị Thùy C, sinh ngày 01/10/2010 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 15/02/2019 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Trác B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh Nguyễn Trác B thực hiện quyền này.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Lê Thị A có đơn yêu cầu thi hành án, anh Nguyễn Trác B chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- **Về tài sản chung:** Chị Lê Thị A và anh Nguyễn Trác B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung, cho vay chung:** Chị Lê Thị A và anh Nguyễn Trác B không có nợ chung, cho vay chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Lê Thị A và anh Nguyễn Trác B mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh Nguyễn Trác B phải chịu 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Lê Thị A tự nguyện nộp thay anh Nguyễn Trác B số tiền án phí mà anh Nguyễn Trác B phải nộp, anh Nguyễn Trác B nhất trí. Tổng cộng chị Lê Thị A phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Xác nhận chị Lê Thị A đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm. theo biên lai số AA/2010/0003637 ngày 21/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện C, thành phố H;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND TP Lai Châu;
- Chi cục THA dân sự TP Lai Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Bích Nga